TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thu;

2. Ông Nguyễn Minh Toàn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Trung – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Tô Việt Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị HTD, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh BDC, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị HTD trình bày:

Chị HTD và anh BDC kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, (nay là phường B), thành phố Hải Phòng vào ngày 11/9/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống với nhau hạnh phúc được một thời gian khoảng 10 năm đầu và có với nhau 02 con chung. Sau đó

phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2011 nguyên nhân do anh BDC mải chơi, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu, không tham gia lao động và đánh đập vợ con, thậm chí còn đuổi chị HTD và con ra khỏi nhà. Năm 2015, chị HTD đã làm đơn xin ly hôn đến Toà án nhưng được hai bên gia đình hoà giải, vì nghĩ đến các con nên chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay anh BDC không thay đổi. Tại phiên toà, anh BDC đề nghị Toà án cho chị và anh được nói chuyện hoà giải để chị rút đơn nhưng chị không đồng ý vì xét thấy hiện nay chị và anh đã ly thân, không còn tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị HTD nhất quyết đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh BDC.

Về con chung: Chị HTD và anh BDC có 02 con chung là E, sinh năm 2004 và F, sinh ngày 01/9/2008. Đến nay cháu E đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên chị HTD không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị đề nghị Toà án giao con F cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không đề nghị anh BDC phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị HTD đề nghị tự thỏa thuận với anh BDC, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn là anh BDC:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng đã tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng anh BDC vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh.

Tại phiên toà anh BDC trình bày: Anh xác nhận về việc đăng ký kết hôn như chị HTD trình bày. Nay chị HTD có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn rất yêu thương vợ con, mặc dù anh có uống rượu nhưng chỉ là giao lưu, anh không đánh vợ, nếu đánh thì phải có thương tích, anh chỉ mắng vợ nhưng không phải là chửi. Anh thừa nhận có đánh con nhưng là trước đây, sau này thì không có. Anh mong muốn Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho anh chị được hoà giải, chị HTD rút đơn để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu E, sinh năm 2004 và F, sinh ngày 01/9/2008. Do chị HTD đơn phương ly hôn với anh thì chị HTD không được quyền nuôi con, tuy nhiên anh cũng không có quan điểm đề nghị Toà án giao cháu F cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không có ý kiến về tài sản chung.

Ngoài ra, anh BDC có trình bày về việc anh không nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án cũng như các thông báo hoà giải. Anh chỉ nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Toà án. Do đó, anh mong muốn Toà án tạo điều kiện cho anh và chị HTD hoà giải với nhau tại phiên toà để chị HTD rút đơn, vợ chồng đoàn tụ.

- *Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị HTD và anh BDC là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được. Nay chị HTD có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu E, sinh năm 2004 và F, sinh năm 2008, đề nghị Toà án xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Về tài sản chung: Địa phương không nắm được anh chị có những tài sản chung gì.

- *Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hải Phòng*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị HTD, xử chị HTD được ly hôn anh BDC. Về con chung: cháu E, sinh năm 2004 hiện đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, chị HTD không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao cháu F, sinh ngày 01/9/2008 cho chị HTD được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị HTD không yêu cầu anh BDC phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn. Bị đơn là anh BDC có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại phường B, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 3, thành phố Hải Phòng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ban hành các Thông báo, quyết định và đều được gửi cho anh BDC theo đúng quy định của pháp luật. Cụ

thể: Toà án thực hiện tống đạt các văn bản tại gia đình anh BDC nhưng tất cả các lần tống đạt anh BDC đều không có nhà, có con gái anh BDC hoặc con trai anh BDC nhận thay. Sau đó, các con anh BDC đã xác nhận về việc đã giao các văn bản trên cho anh BDC nhưng anh BDC đều vò giấy và ném đi. Phù hợp với lời trình bày của chị HTD tại phiên toà, lời trình bày của anh BDC về việc anh tưởng đó là giấy nháp nên vò đi. Do đó, ý kiến của anh BDC về việc anh không nhận được thông báo của Toà án là không phù hợp. Quyền lợi của anh BDC đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị HTD và BDC kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, (nay là phường B), thành phố Hải vào ngày 11/9/2003 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tại phiên toà, anh BDC không đồng ý ly hôn, mong muốn chị HTD rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Chị HTD trình bày đến nay chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh BDC, chị không đồng ý hoà giải để vợ chồng đoàn tụ như ý kiến của anh BDC đề nghị, chị nhất quyết xin ly hôn để đổi lại quyền tự do, sinh mạng cho chị và các con. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị HTD và anh BDC đã trầm trọng, hiện nay vợ chồng chị HTD và anh BDC đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị HTD được ly hôn anh BDC là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị HTD và anh BDC có 02 con chung là E, sinh năm 2004 và F, sinh ngày 01/9/2008. Hiện nay, con chung E đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, chị HTD không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu F, tại phiên toà anh BDC trình bày do chị HTD đơn phương ly hôn với anh nên không được quyền nuôi con. Tuy nhiên anh cũng không có quan điểm đề nghị Toà án giao con cho anh nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét: Chị HTD đề nghị được nuôi cháu F và cháu F cũng có đơn đề nghị được ở cùng với mẹ, hiện nay công việc của chị HTD làm bánh Ga tô và dịch vụ cưới hỏi tại nhà với thu nhập trung bình khoảng 20 triệu đồng/tháng. Anh BDC trình bày mỗi tháng anh có thu nhập khoảng 7-8 triệu đồng. Chị và anh BDC có hai nhà, nên nếu chị không ở nhà hiện tại thì chị vẫn có thể ở nhà khác được nên vẫn đảm bảo đủ vật chất, tinh thần nuôi con. Mặt khác, cháu F là con gái nên cần sự chăm sóc, chỉ bảo từ mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị HTD: Giao cháu F, sinh ngày 01/9/2008 cho chị HTD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, chị HTD trình bày không yêu cầu anh BDC phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị HTD xác nhận tự thoả thuận với anh BDC, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị HTD là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị HTD.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị HTD được ly hôn anh BDC.

2. Về con chung: Giao con F, sinh ngày 01/9/2008 cho chị HTD được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với con chung là E, sinh năm 2004, hiện nay con chung đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, chị HTD không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị HTD không yêu cầu anh BDC phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị HTD và anh BDC tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị HTD phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai số 0011807 ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Cục Thi hành án thành phố Hải Phòng . Chị HTD đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị HTD và anh BDC được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 3 - Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 3- Hải Phòng;
- UBND phường B, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như